



BẢN DỮ LIỆU AN TOÀN NGUYÊN LIỆU

CÔNG TY TNHH CORTEVA AGRISCIENCE VIỆT NAM

Tên sản phẩm: Pexena™ 106SC

Ngày ban hành: 24.03.2021

Ngày in: 14.07.2021

CÔNG TY TNHH CORTEVA AGRISCIENCE VIỆT NAM khuyến nghị và mong rằng Quý Khách Hàng đọc và hiểu toàn bộ phiếu an toàn hóa chất của thuốc bảo vệ thực vật, vì tài liệu có những thông tin quan trọng. Phiếu an toàn hóa chất này cung cấp cho người sử dụng những thông tin liên quan đến bảo vệ sức khỏe con người và an toàn nơi làm việc, bảo vệ môi trường và hỗ trợ ứng phó khẩn cấp. Người sử dụng sản phẩm trước tiên nên tham khảo nhãn gắn trên sản phẩm hoặc.

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm: Pexena™ 106SC

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo: Thuốc diệt côn trùng

Các sử dụng nên tránh: Không sử dụng sản phẩm cho bất cứ điều gì ngoài việc sử dụng quy định ở trên.

Thông tin về công ty

CÔNG TY TNHH CORTEVA AGRISCIENCE VIỆT NAM

SỐ 17, ĐƯỜNG LÊ DUẬN, PHƯỜNG BẾN NGHÉ

QUẬN 1, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

Điện thoại thông tin khách hàng: : (84) 28 3824 3192

Địa chỉ e-mail : SDS@corteva.com

SỐ ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ TRONG TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Liên hệ khẩn cấp 24/24 : 1800 588 808

Số điện thoại khẩn cấp trong nước : 1800 588 808

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

Phân loại theo GHS

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh - Cấp 3

Các yếu tố nhãn theo GHS

Cảnh báo nguy hiểm

Có hại đối với sinh vật thủy sinh.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

Việc thải bỏ

Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các nguy cơ khác

chưa có dữ liệu

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Sản phẩm này là một hỗn hợp.

Thành phần	CASRN	Nồng độ
Triflumezopyrim	1263133-33-0	10,0%
Alcohols, C12-C15, ethoxylated	68131-39-5	>= 0,3 - < 1,0 %

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Lời khuyên chung:

Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Thu giữ bao bì đựng sản phẩm hoặc nhãn hiệu khi các bạn gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ, hoặc đi đến cơ sở y tế.

Hít phải: Di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Hô hấp nhân tạo và/hoặc cho thở oxy có thể cần thiết. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí.

Tiếp xúc với da: Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm. Xối rửa da ngay với thật nhiều nước trong 15-20 phút. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí.

Tiếp xúc với mắt: Giữ mắt mở và xả nước nhẹ nhàng và chậm rãi trong 15-20 phút. Tháo kính sát trùng, nếu có, sau 5 phút đầu, sau đó tiếp tục xả nước vào mắt. Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí.

Nuốt phải: Gọi cho trung tâm chống độc hoặc bác sĩ để được hướng dẫn cách xử trí. Cho nạn nhân uống một ly nước từng ngụm nếu còn có thể nuốt được. Không được gây nôn trừ phi đó là chỉ định của bác sĩ hoặc trung tâm chống độc. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:

Bên cạnh những thông tin tìm thấy dưới sự mô tả các biện pháp sơ cứu đầu tiên (như trên) và những dấu hiệu tìm sự chăm sóc y tế ngay lập tức và điều trị cần thiết (dưới đây), các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng khác được mô tả trong Phần 11: Thông tin về độc tính.

Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Lưu ý đối với bác sỹ điều trị: Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp: Bụi nước Bọt chịu cồn.

Các phương tiện chữa cháy không thích hợp: Được biết là chưa xảy ra.

Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy: chưa có dữ liệu

Những hiểm họa cháy nổ bất thường: Có thể gây nguy hại cho sức khỏe khi tiếp xúc với các sản phẩm dễ cháy. Không để nước chữa cháy chảy xuống cống và ao hồ.

Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Các quy tắc cứu hỏa: Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được đổ vào cống thoát nước chung. Tro của vụ cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn phải được thải phù hợp với các quy định địa phương.

Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm. Sơ tán toàn bộ khu vực. Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chữa không mở.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa: Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết. Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố: Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân.

Các cảnh báo về môi trường: Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan. Cần tránh thải loại vào môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc làm này an toàn. Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa lại hoặc bằng các phao ngăn dầu). Giữ lại và tiêu huỷ nước rửa bị nhiễm bẩn. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được. Ngăn không cho hóa chất thấm vào đất, mương rãnh, cống, luống nước và/hoặc nước ngầm. Vui lòng xem Phần 12: Thông tin về sinh thái.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố: Dọn sạch vật liệu còn lại từ sự cố đổ tràn bằng chất thấm hút thích hợp. Các quy định của địa phương hoặc quốc gia có thể áp dụng với việc giải phóng và thải bỏ vật liệu này, cũng như những vật phẩm được sử dụng trong đó. Khi bị tràn đổ với lượng lớn, đắp đập hoặc sử dụng vật liệu phù hợp để ngăn không cho hóa chất lan rộng ra. Nếu vật liệu đắp đập có thể bơm được, Chất liệu tái sinh phải được bảo quản trong bình chứa có lỗ thông khí. Lỗ thông khí phải ngăn chặn được sự xâm nhập của nước vì có thể xảy ra phản ứng phụ với các chất liệu bị tràn ra ngoài vốn có thể gây ra hiện tượng điều áp quá mức của bình chứa. Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu huỷ. Lau sạch bằng các vật liệu hút nước (ví dụ như khăn, bông). Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Phần 13, Những Lưu Ý Khi Loại Bỏ.

7. CÁC LƯU Ý KHI THAO TÁC VÀ LƯU TRỮ

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm: Không được hít hơi/bụi. Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp. Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng. Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường. Sử dụng các thiết bị an toàn thích hợp. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem thêm Phần 8: Kiểm Soát Sự Phơi Nhiễm và Bảo Vệ Cá Nhân.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản: Lưu trữ trong thùng chứa đóng kín. Các bình chứa đã mở phải được đóng kín lại cẩn thận và giữ theo chiều thẳng đứng để tránh rò rỉ. Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng. Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.

Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây: Các chất oxy hóa mạnh.
Các vật liệu không thích hợp làm bình chứa.: Được biết là chưa xảy ra.

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thông số kiểm soát

Nếu các giới hạn phơi nhiễm có tồn tại thì chúng được liệt kê dưới đây. Nếu giới hạn phơi nhiễm không được hiển thị, thì nghĩa là không có giá trị nào được áp dụng.

Kiểm soát phơi nhiễm

Các kiểm soát kỹ thuật: Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín.

Các biện pháp vệ sinh: Rửa tay kỹ với xà phòng và nước sau khi cầm nắm và trước khi ăn, uống, nhai kẹo cao su hoặc hút thuốc lá. Cởi bỏ quần áo/PPE ngay lập tức nếu hóa chất thấm vào phía bên trong. Rửa kỹ và mặc quần áo sạch. Cởi bỏ các trang bị bảo hộ cá nhân ngay sau khi cầm nắm sản phẩm này.

Các biện pháp bảo vệ: Tuân theo các hướng dẫn của nhà sản xuất về vệ sinh/duy tu bảo dưỡng PPE. Nếu không có bất cứ hướng dẫn nào về chất tẩy rửa hiện có, thì dùng bột giặt và nước nóng. Để và giặt PPE riêng rẽ với các đồ giặt khác. Loại bỏ quần áo và các vật liệu thấm hút khác đã bị ướt sũng hoặc bị vấy bẩn nặng sản phẩm này. Không tái sử dụng.

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Bảo vệ mắt/mặt: Mang trang bị bảo hộ mắt để tránh tiếp xúc với chất này.

Bảo vệ da

Bảo vệ tay: Sử dụng găng tay chịu được hóa chất này. Ví dụ điển hình của những găng tay chống chịu được nguyên liệu bao gồm: Polyvinyl chloride ("PVC" hoặc "vinyl"). Neoprene. Cao su nitrile/butadiene ("nitrile" or "NBR"). LƯU Ý: Việc lựa chọn loại găng tay cụ thể cho một công việc và thời gian cụ thể ở nơi làm việc phải nên được xem xét đến tất cả các yếu tố có liên quan ở nơi làm việc chẳng hạn như nhưng không hạn chế bởi: những hóa chất khác có thể xử lý, các yêu cầu về mặt vật lý (bảo vệ chống cắt đứt/đâm thủng, chống nhiệt), những phản ứng của cơ thể đối với găng tay có thể xảy ra, cũng như những hướng dẫn, thông số kỹ thuật của nhà sản xuất găng tay.

Các lưu ý bảo vệ khác: Mang quần áo bảo hộ chẳng hạn như găng tay, tạp dề, ủng, hoặc áo bảo hộ liền quần, khi thích hợp.

Bảo vệ hô hấp: Khi có khả năng các nồng độ phơi nhiễm các chất lơ lửng trong không khí vượt quá các giới hạn hiện hành, mang trang bị bảo hộ đường hô hấp đã được phê duyệt có hộp lọc bụi/bụi sương mù.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái

Trạng thái vật lý	thể lỏng
Màu	màu vàng
Mùi	nhẹ
Ngưỡng mùi	chưa có dữ liệu

Độ pH	5,5 - 8,5
Điểm/khoảng nóng chảy	chưa có dữ liệu
Điểm đông	chưa có dữ liệu
Điểm sôi (760 mmHg)	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	> 200 °F không chớp cháy
Mức độ bay hơi (Butyl acetate = 1)	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng
Giới hạn dưới của cháy nổ	chưa có dữ liệu
Giới hạn trên của cháy nổ	chưa có dữ liệu
Áp suất hơi	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối (không khí = 1)	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng tương đối (nước = 1)	1,06
Độ hòa tan trong nước	có thể phân tán
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ tự bốc cháy	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	chưa có dữ liệu
Độ nhớt động lực học	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	chưa có dữ liệu
Đặc tính oxy hóa	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Trọng lượng phân tử	chưa có dữ liệu

Chú ý: Các dữ liệu vật lý được trình bày ở trên là giá trị tiêu biểu và không nên được hiểu như là một đặc điểm kỹ thuật

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng: Không thuộc loại nguy hại phản ứng.

Tính ổn định: Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn. Ổn định trong các điều kiện thông thường.

Phản ứng nguy hiểm: Được biết là chưa xảy ra.
Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể.

Các điều kiện cần tránh: Được biết là chưa xảy ra.

Vật liệu không tương thích: Không có gì.

Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy
Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Thông tin về độc hại được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Độc cấp tính

Độc tính cấp theo đường miệng

Tính độc hại rất thấp nếu nuốt phải. Được tiên liệu không gây ra những ảnh hưởng gây hại khi nuốt phải những lượng nhỏ.

Như sản phẩm:

LD50, Chuột, > 5.000 mg/kg

Độc tính cấp qua da

Sự tiếp xúc kéo dài với da có vẻ như không gây thấm hút những lượng độc hại

Như sản phẩm:

LD50, Chuột, > 5.000 mg/kg

Độc tính cấp do hít phải

Được tiên liệu là không có những ảnh hưởng nghiêm trọng từ những phơi nhiễm đơn lẻ với bụi hoá chất.

Như sản phẩm:

LC50, Chuột, 4 h, bụi / hơi sương, > 5,09 mg/l Không có tử vong xảy ra ở nồng độ này.

Ăn mòn/kích ứng da

Tiếp xúc với sản phẩm hoá chất trong thời gian ngắn có thể gây kích ứng cho da với hiện tượng đỏ da cục bộ.

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Có thể gây kích ứng nhẹ tạm thời cho mắt.

Gây mẫn cảm

Đối với sự mẫn cảm da:

Như sản phẩm:

Đã cho thấy không gây ra các phản ứng dị ứng da khi tiến hành thí nghiệm trên chuột lang.

Đối với sự mẫn cảm hô hấp:

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Các dữ liệu sẵn có không đủ để xác định độc tính đối với từng bộ phận chuyên biệt của cơ thể khi phơi nhiễm đơn lẻ với hoá chất.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm lặp đi lặp lại)

Đối với (các) thành phần hoạt tính:

Dựa trên những dữ liệu sẵn có, phơi nhiễm lặp đi lặp lại được tiên liệu là không gây những hậu quả xấu nghiêm trọng.

Tác nhân gây ung thư

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Đã không gây ra ung thư khi tiến hành thí nghiệm trên động vật.

Độc tính gây quái thai

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Đã không gây ra các dị tật bẩm sinh khi tiến hành thí nghiệm trên động vật.

Độc tính sinh sản

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Trong nghiên cứu trên động vật, không cản trở khả năng sinh sản.

Độc tính gây đột biến

Đối với (các) thành phần hoạt tính: Các thử nghiệm trong ống nghiệm không cho thấy các tác nhân gây đột biến. Các thử nghiệm trên cơ thể sinh vật sống không cho thấy ảnh hưởng gây đột biến.

Nguy cơ hô hấp

Căn cứ vào tính chất vật lý, không nguy hiểm khi hít phải.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Thông tin về độc hại sinh thái được trình bày trong phần này khi dữ liệu có sẵn.

Thông tin chung

Xem nhãn của sản phẩm để đọc các hướng dẫn áp dụng bổ sung có liên quan đến các biện pháp an toàn môi trường. Không đề cập cụ thể đến các tác động sinh thái khác.

Độc môi trường**Độc tính cấp tính đối với cá**

Như sản phẩm:

LC50, *Oncorhynchus mykiss* (cá hồi cầu vồng), 96 h, > 12,6 mg/l

Như sản phẩm:

LC50, *Cyprinus carpio* (cá chép), 96 h, > 12,3 mg/l

Độc tính cấp tính đối với động vật không xương sống thủy sinh

Như sản phẩm:

EC50, *Daphnia magna* (Bọ nước), 48 h, 10,9 mg/l

Độc tính cấp tính đối với tảo

Như sản phẩm:

ErC50, Tảo đơn bào *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo đơn bào *Selenastrum capricornutum*), 72 h, 11,1 mg/l

Như sản phẩm:

NOEC, Tảo đơn bào *Pseudokirchneriella subcapitata* (tảo đơn bào *Selenastrum capricornutum*), 72 h, 3,1 mg/l

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính phân hủy sinh học: Đối với (các) thành phần hoạt tính: Không dễ phân hủy sinh học.

Khả năng tích lũy sinh học

Tính tích lũy sinh học: Đối với (các) thành phần hoạt tính: Không tích lũy sinh học

Tính dịch chuyển trong đất**Alcohols, C12-C15, ethoxylated**

Chưa tìm thấy thông tin liên quan.

Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Các tác hại khác

Alcohols, C12-C15, ethoxylated

Chất này không có trong danh sách các chất làm suy giảm đến tầng ozone của nghị định Montreal.

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ: Nếu chất thải và/hoặc thùng chứa không thể xử lý được theo các chỉ dẫn trên nhãn sản phẩm, thì việc xử lý nguyên liệu này phải phù hợp với yêu cầu của cơ quan hoặc khu vực quản lý địa phương. Thông tin được trình bày dưới đây chỉ áp dụng đối với các vật liệu được cung cấp. Việc xác định dựa trên (các) đặc tính hoặc liệt kê không được áp dụng nếu nguyên liệu đã được sử dụng hoặc đã bị ô nhiễm. Đây là trách nhiệm của người xử lý chất thải cần phải xác định độc tính và tính chất vật lý của nguyên liệu tạo ra, để xác định các phương pháp xử lý chất thải theo đúng qui định thích hợp. Nếu nguyên liệu đã được cung cấp trở thành chất thải, thì phải tuân thủ theo luật quốc gia, khu vực và địa phương.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Phân loại đối với vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt
Not regulated for transport

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG BIỂN (IMO-IMDG)

Not regulated for transport
Consult IMO regulations before transporting ocean bulk

Vận chuyển theo khối dựa trên Phụ Lục I hoặc II của MARPOL 73/78 (Công ước quốc tế về ngăn ngừa ô nhiễm từ tàu biển) và theo mã quy ước quốc tế IBC hoặc IGC

Phân loại vận tải bằng ĐƯỜNG KHÔNG (IATA / ICAO):
Not regulated for transport

Thông tin này không nhằm mục đích để truyền đạt tất cả các qui định pháp lý cụ thể hoặc các yêu cầu/ thông tin vận hành liên quan đến sản phẩm này. Phân loại khi vận chuyển có thể thay đổi tùy theo khối lượng/ thể tích chuyên chở và các điều chỉnh pháp lý theo khu vực hoặc quốc gia. Có thể tìm hiểu thêm thông tin bổ sung trong vận chuyển thông qua đại diện thương mại hoặc đại diện dịch vụ khách hàng đã được ủy quyền. Hãng vận tải có trách nhiệm tuân thủ các luật, quy định, quy tắc liên quan khi tiến hành vận chuyển hóa chất này.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Theo như chúng tôi biết, những luật lệ được liệt kê sau đây cung cấp những yêu cầu cần thiết dựa trên kinh doanh, sử dụng an toàn, vận chuyển, quy định về nhãn của thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam:

Thông tư 21/2015/TT-BNNPTNT về Quản lý Thuốc bảo vệ thực vật, được ban hành ngày 08 tháng 06 năm 2015.

Nghị định số 104/2009/NĐ-CP, Quy định Danh Mục Hàng Hoá Nguy Hiểm và Vận Chuyển Hàng Nguy Hiểm Bằng Phương Tiện Giao Thông Cơ Giới Đường Bộ, được ban hành ngày 09 tháng 11 năm 2009.

Nghị Định số 29/2005/NĐ-CP, Quy Định Danh Mục Hàng Hóa Nguy Hiểm và Việc Vận Tải Hàng Hóa Nguy Hiểm Trên Đường Thủy Nội Địa.

Nghị Định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa được ban hành ngày 01 tháng 06 năm 2017.

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Các thông tin khác

Chú ý các hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn.

Chỉnh sửa

Số nhận biết 011000007325 / Ngày ban hành: 24.03.2021 / Phiên bản: 3.1

(Các) chỉnh sửa gần đây nhất được in đậm, đánh dấu bằng thanh đôi cạnh lề trái trong toàn bộ tài liệu.

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

CÔNG TY TNHH CORTEVA AGRISCIENCE VIỆT NAM khuyến khích khách hàng hoặc người nhận Bản Dữ liệu An Toàn (Nguyên Liệu) này hãy đọc nó thật kỹ và tham khảo ý kiến từ chuyên gia, đó là điều cần thiết để nhận thức và hiểu được những thông tin trong Bản Dữ Liệu này và những mối nguy hiểm có thể phát sinh từ sản phẩm. Thông tin cung cấp trong bản này là thành thật và được cho là chính xác căn cứ theo ngày hiệu lực đã nêu ở trên đây. Tuy nhiên, không có bảo đảm, nêu ra, hay ám chỉ được đưa ra. Các yêu cầu cũng như quy định có thể thay đổi và có thể khác nhau ở từng nơi. Người mua/người sử dụng có trách nhiệm đảm bảo rằng các hoạt động của mình tuân thủ luật quốc gia và các quy định ở cấp thành phố, tỉnh, hoặc địa phương sở tại. Những thông tin trong bản này chỉ gắn liền với sản phẩm của chúng tôi đã bán cho quý khách hàng. Do nhà sản xuất không thể kiểm soát được các điều kiện sử dụng sản phẩm, nên người mua/người sử dụng có nhiệm vụ phải quyết định những điều kiện cần thiết để có thể sử dụng sản phẩm một cách an toàn. Do hiện nay có nhiều nguồn thông tin cung cấp khác nhau như là bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ nhà sản xuất, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm, cũng như không có khả năng chịu trách nhiệm cho những nguồn thông tin khác không phải của chúng tôi. Nếu quý khách hàng đã nhận được Bản Dữ Liệu An Toàn (Nguyên Liệu) từ một nguồn khác hoặc nếu quý khách không chắc rằng Bản Dữ Liệu của mình có cập nhật không, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi để nhận được phiên bản mới nhất.

VN